

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày 30/3/2021

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT- TỈNH ĐẮK NÔNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Lê Thị Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/3/ 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021 ngày 12 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn đồng thời là người thừa kế: Bà **Lê Thị T (có mặt)**

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim T (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng là là người thừa kế:

1. Anh Trần Văn V, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Chị Trần Thị Y, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 18/4 đường N, Phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Trần Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

4. AnhTrần Văn T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn 3, xã N,huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người thừa kế: Bà **Lê Thị T (có mặt)**

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, đồng thời là người thừa kế, người đại diện theo ủy quyền của người thừa kế trình bày: Vào ngày 01 tháng 02 năm 2018, ông Trần Thế O chồng bà Lê Thị T có cho ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim T vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc, hai bên có viết giấy tờ tay với nhau không ghi thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất; ông V và bà Nguyễn Thị Kim T ký vào giấy. Hiện nay ông Trần Thế O đã chết vào ngày 18/12/2018, khi vay đến nay ông V, bà Nguyễn Thị Kim T chưa trả lãi cho ông O số tiền gốc và lãi đồng nào. Hiện nay ông O đã chết, bà T là người thừa kế yêu cầu ông V, bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Tiếp đến ngày 03 tháng 4 năm 2018, bà Lê Thị T có cho bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Văn V vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền gốc; ông V, bà Nguyễn Thị Kim T hẹn đến ngày 03 tháng 6 năm 2018 sẽ trả. Tiền lãi 3%/tháng, từ khi vay đến nay ông V, bà Nguyễn Thị Kim T chỉ trả cho bà T số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền lãi từ đó đến nay ông V, bà Nguyễn Thị Kim T không trả gốc và lãi. Nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V, bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà 30.000.000 đồng gốc, ngoài số tiền bà T nhận 3.000.000 đồng tiền lãi ra, bà không yêu cầu lãi suất nữa. Tổng cộng hai khoản là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc.

Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn V trình bày: Vào ngày 01 tháng 02 năm 2018, ông V và bà Nguyễn Thị Kim T có vay của ông Trần Thế O số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc, hai bên có viết giấy tờ tay với nhau, không ghi thời hạn trả nợ. Ông V, bà Nguyễn Thị Kim T có ký vào giấy có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy; quá trình vay ông V, bà Nguyễn Thị Kim T đã trả cho ông O 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền lãi nhưng khi trả không có giấy tờ gì.

Tiếp đến ngày 03 tháng 4 năm 2018, ông V và bà Nguyễn Thị Kim T có vay của bà Lê Thị T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền gốc; hai bên có viết giấy tờ tay với nhau; một mình bà Nguyễn Thị Kim T ký vào giấy. Thời hạn trả ngày 03/6/2018 sẽ trả, thỏa thuận lãi suất là 3% tháng. Khi vay ông V, bà Nguyễn Thị Kim T đã trả lãi cho bà T là 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng) tiền lãi. Khi đến thời hạn trả nợ gia đình ông V quá khó khăn trông tiêu chết hết, nợ ngân hàng nhiều nên ông cùng bà Nguyễn Thị Kim T chưa có tiền trả cho ông O và bà T. Hiện nay ông V, bà Nguyễn Thị Kim T còn nợ ông O 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); bà T

30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tổng cộng là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng); gia đình ông V quá khó khăn xin bà T cho trả dần.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời thừa kế: anh V, chị Y, chị T, anh T các con ruột ông O ủy quyền cho bà Lê Thị T trình bày: Việc ông O cho ông V, bà Nguyễn Thị Kim T vay số tiền 50.000.000 đồng hiện nay ông O đã chết; số tiền trên các con ông O được hưởng thừa kế nhưng các con yêu cầu ông V, bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà Lê Thị T để dưỡng già các con không nhận số tiền ông O cho ông V, bà Nguyễn Thị Kim T vay và không khiếu nại gì.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút gửi thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã 02 lần niêm yết giấy triệu tập cho bà Nguyễn Thị Kim T nhưng bà Nguyễn Thị Kim T vẫn không chấp hành, Tòa án đã 02 lần niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị Kim T nhưng đều vắng mặt, không có lý do nên vụ án không hòa giải được; đối với ông Vượng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai vắng mặt không có lý do.

Ngày 24/02/2021, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, phiên tòa mở vào ngày 12/3/2021 nhưng ông V, bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt không có lý do, phiên tòa hoãn đến ngày 30/3/2021 mở lại. Toàn bộ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đều niêm yết theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông V, bà Nguyễn Thị Kim T đều vắng mặt không có lý do, nên hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho ông V, bà Nguyễn Thị Kim T đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông V, bà Nguyễn Thị Kim T không chấp hành vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 02, nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Kim T, ông V phải trả cho bà T số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim T trả số tiền mà ông V, bà Nguyễn Thị Kim T đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Thế O với ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim T xác lập ngày 01 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn có thật, điều đó được thể hiện qua giấy vay tiền giữa ông O với ông V và bà Nguyễn Thị Kim T mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, chứng cứ bản gốc có chữ ký của ông V, bà Nguyễn Thị Kim T. Vào ngày 18/12/2018, ông Trần Thế O đã chết, bà T đòi nhiều lần nhưng ông V, bà Nguyễn Thị Kim T không trả. Bà Lê Thị T là vợ của ông Trần Thế O, đồng thời là người thừa kế yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V, bà Nguyễn Thị Kim T phải trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà T không yêu cầu lãi suất. Những người được hưởng thừa kế anh V, chị Y, chị T, anh T ủy quyền cho bà T yêu cầu ông V, bà Nguyễn Thị Kim T phải trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà T để cho bà T dưỡng già là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa bà Lê Thị T với bà Nguyễn Thị Kim T, có ghi ông Lê Văn V trong hợp đồng tuy nhiên ông V không ký tên người vay, có chữ ký một mình bà Nguyễn Thị Kim T là có thật. Bà T cung cấp cho Tòa án bản gốc. Quá trình giải quyết vụ án ông V thừa nhận ông V và bà Nguyễn Thị Kim T có vay của bà T 30.000.000 đồng nhưng chỉ một mình bà Nguyễn Thị Kim ký vào giấy vay tiền. Quá trình vay ông V bà Nguyễn Thị Kim T không trả cho bà T nên bà T khởi kiện ông V bà Nguyễn Thị Kim T ra Tòa. Để bà Nguyễn Thị Kim T được quyền trình bày ý kiến của mình về việc vay mượn tiền của ông O bà T, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị Kim T đồng thời triệu tập bà Nguyễn Thị Kim T và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Tại phiên họp, hòa giải bà Nguyễn Thị Kim T vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bà Nguyễn Thị Kim T đã tước bỏ quyền của mình và phải chịu hậu quả không chứng minh được quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Thế O với ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim T xác lập ngày 01 tháng 02 năm 2018 số tiền 50.000.000 đồng không ghi thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ngày 18/12/2018 ông Trần Thế O chết, bà Lê Thị T là vợ thừa kế di sản của ông O khởi kiện ông V, bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà T số tiền mà ông O đã cho bà Nguyễn Thị Kim T và ông V vay là có căn cứ.

Xét hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa bà Lê Thị T với bà Nguyễn Thị Kim T, có ghi ông Lê Văn V vay số tiền 30.000.000 đồng nhưng ông V không ký tên mà chỉ có chữ ký bà Nguyễn Thị Kim T, thời hạn trả nợ ngày 03 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái

đạo đức xã hội, đồng thời ông V cũng thừa nhận có vay số tiền này là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ. Do vậy buộc ông V, bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà T 30.000.000 đồng tiền gốc, bà T không yêu cầu lãi suất.

Xét về lãi suất của hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa bà Lê Thị T với bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Văn V, các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên từ khi vay ngày 03/4/2018 đến khi bà T khởi kiện ra Tòa án ngày 02/11/2020 bà T chỉ nhận ông V, bà Nguyễn Thị Kim T 3.000.000 đồng, căn cứ Điều 468 của BLDS năm 2015 không vượt quá lãi suất pháp luật cho phép. Mặt khác ngoài số tiền 3.000.000 đồng tiền lãi mà bà T đã nhận ra bà T không yêu cầu lãi suất nữa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người thừa kế anh Trần Văn V, chị Trần Thị Y, chị Trần Thị T và anh Trần Văn T là các con ruột của ông Trần Thế O với bà Lê Thị T ủy quyền cho bà T, số tiền ông Trần Thế O cho ông V bà Nguyễn Thị Kim T vay, bà Nguyễn Thị Kim T và ông V phải trả cho bà T dưỡng già các anh chị không yêu cầu chia nên cần chấp nhận.

Đối với ông V cho rằng bà Nguyễn Thị Kim T đã trả cho ông O 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), quá trình giải quyết vụ án ông V không chứng minh được nên HĐXX không chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên buộc ông Lê Văn V bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) mà ông V, bà Nguyễn Thị Kim T đã vay của ông Trần Thế O. Buộc ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) mà ông V bà Nguyễn Thị Kim T đã vay của bà T. Tổng cộng hai khoản là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 80.000.000 đồng x 5% = 4.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 4.000.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

1. Buộc ông Lê Văn V bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) mà ông V, bà Nguyễn Thị Kim T đã vay của ông Trần Thế O. Buộc ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà Lê Thị T

số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) mà ông V, bà Nguyễn Thị Kim T đã vay của bà T. Tổng cộng hai khoản là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Kim T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí: Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003133 ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

NGUYỄN THỊ LAN